

Bản án số: 171 /2023/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Ánh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX - ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1980.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1972.

Đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn P, xã N, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Chị H, anh Đ đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trương Thị Hạnh trình bày:

Chị với anh Phạm Ngọc Đ kết hôn từ tháng 3 năm 2002 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Xuyên (Đăng ký kết hôn số 16/2002 ngày 19/3/2002). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Phong T, xã N. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008 thì thực sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, không tìm được tiếng nói chung, ngoài ra, anh Đông còn sống thiếu trách nhiệm với vợ con... từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã.

Do mâu thuẫn trầm trọng nên cuối năm 2022 anh Đ đã chuyển về sống với mẹ đẻ, chị cũng đi làm xa không thường xuyên về nhà, vợ chồng tự sống ly thân đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Tiến D, sinh ngày 13/3/2003 và Phạm Trà M, sinh ngày 09/11/2007. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với cháu D do đã thành niên và phát triển bình thường nên chị không đề nghị Tòa xét,

Về tài sản chung vợ chồng: Chị đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa xét.

Phía bị đơn anh Phạm Ngọc Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với trình bày của chị Trương Thị H về thời gian, địa điểm, quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời gian vợ chồng ly thân. Trước yêu cầu khởi kiện của chị H, anh Đ thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm vì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, vì các con, anh vẫn mong muốn chị H quay về đoàn tụ song không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận, không níu giữ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu My, việc cấp dưỡng nuôi cháu M anh đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận. Riêng đối với cháu D do đã thành niên, ở với ai là quyền của cháu, anh không đề nghị Tòa xét.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa xét.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình tố tụng vụ án tại phiên tòa...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác phía bị đơn anh Phạm Ngọc Đ cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị H và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc Đ; về con chung giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 09/11/2007, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ; tài sản chung, công nợ các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã Nam T, huyện Phú Xuyên nên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị H và anh Phạm Ngọc Đ là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (Đăng ký kết hôn số 16/2002 ngày 19/3/2002). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp, từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ cuối năm 2022 khiến cả hai đã tự sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn và đã sống ly thân, đời sống vợ chồng khó có cơ hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ... Do vậy, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa; quá trình tố tụng, việc anh Đ không đồng ý ly hôn với lý do không muốn các con phải khổ không phải là gốc rễ để hôn nhân tồn tại.... Vì vậy, yêu cầu của chị H xin ly hôn anh Đ là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là Phạm Tiến D, sinh ngày 13/3/2003 và Phạm Trà M, sinh ngày 09/11/2007. Do con chung Phạm Tiến D đã thành niên và phát triển bình thường, các bên không đề nghị tòa xét nên tòa không xét. Con chung Phạm Trà M chưa thành niên, các bên thống nhất giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, mặt khác nguyện vọng của cháu M muốn được chung sống với mẹ... nên Hội đồng xét xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Trà M là hợp lẽ.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc Đ.
2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 09/11/2007 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn cho anh Phạm

Ngọc Đ việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 13/3/2003 đã thành niên và phát triển bình thường nên tòa không xét.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0048209 ngày 31/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong

